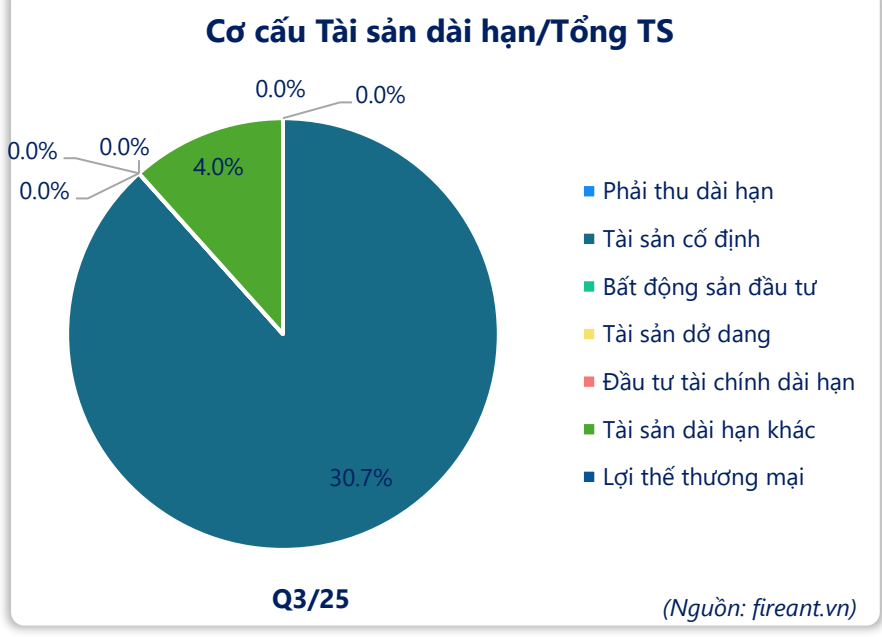
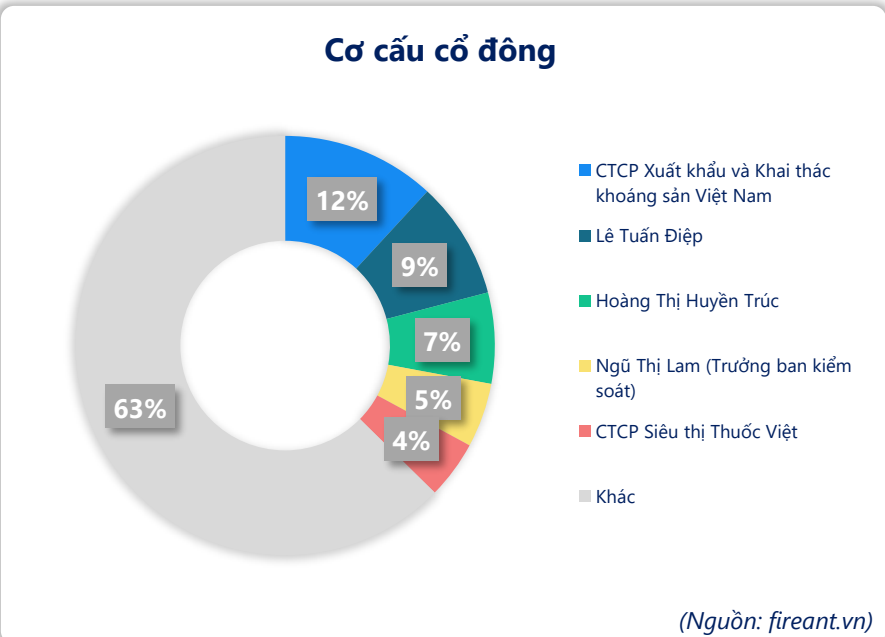
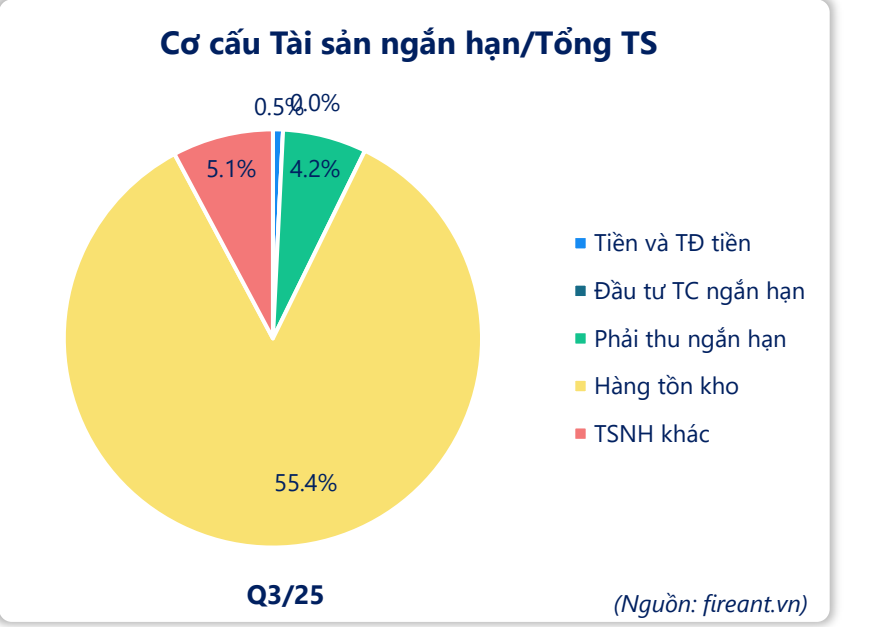
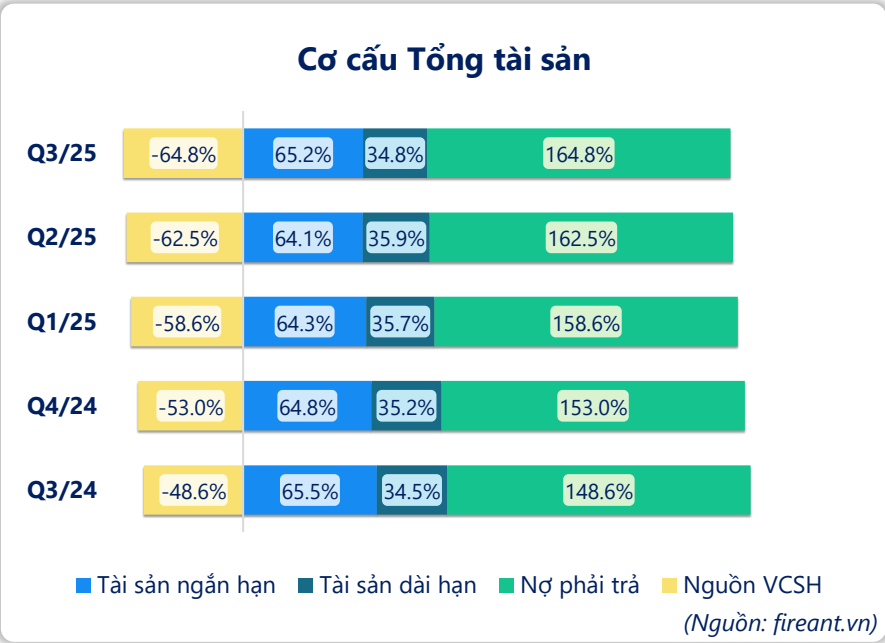
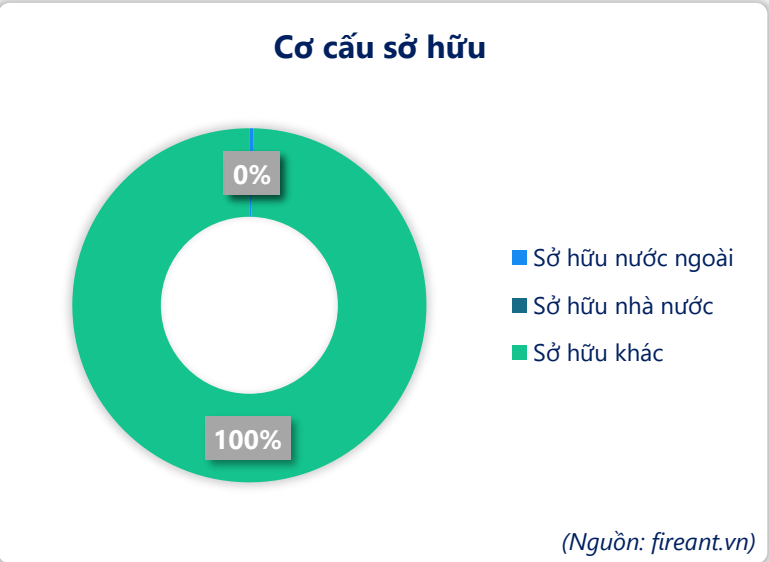
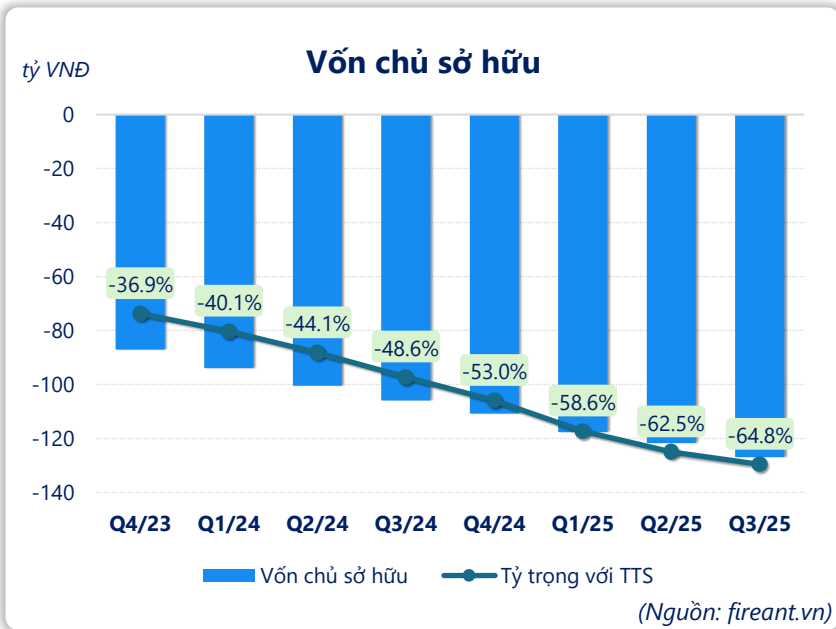
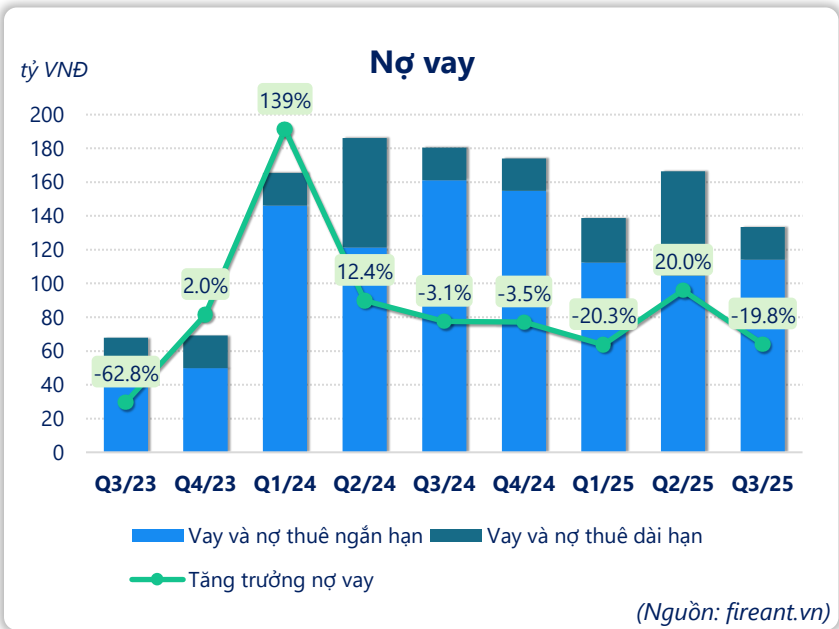
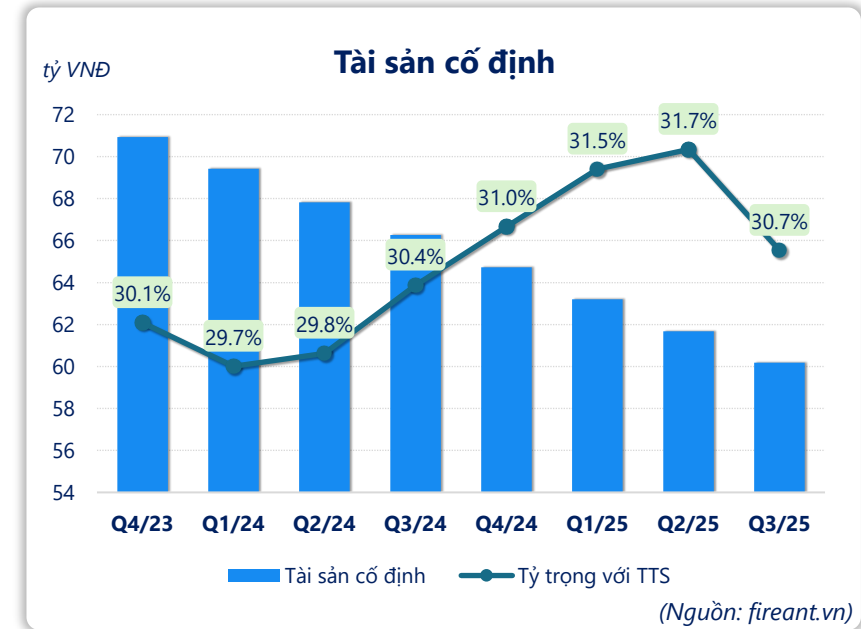
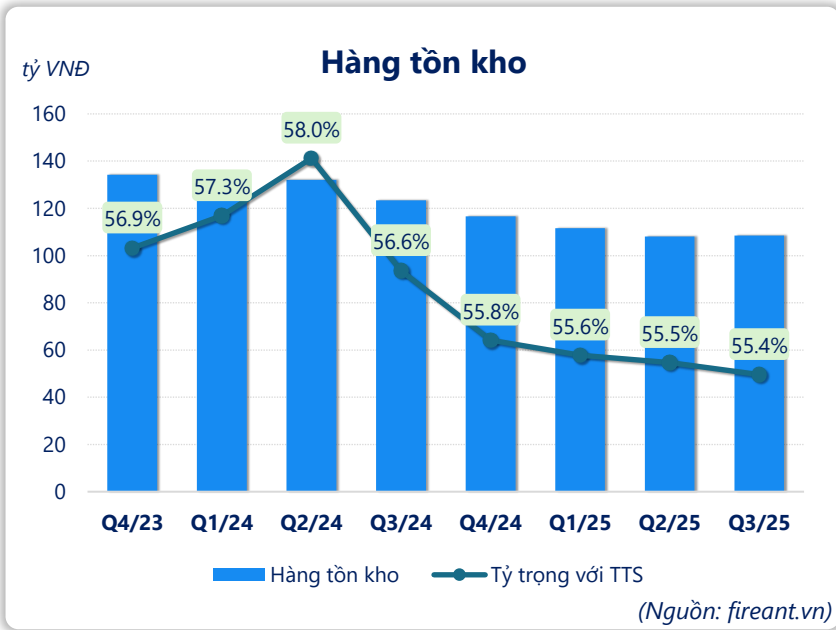
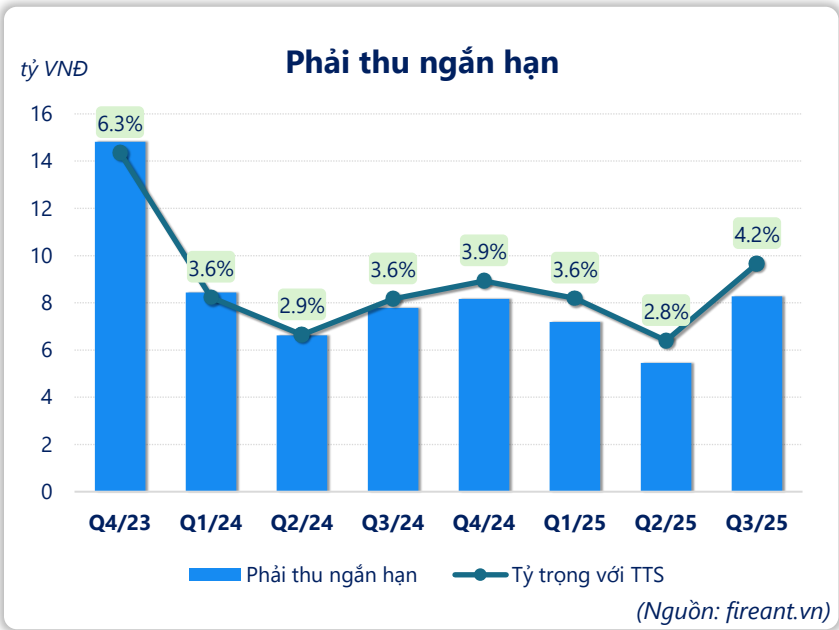
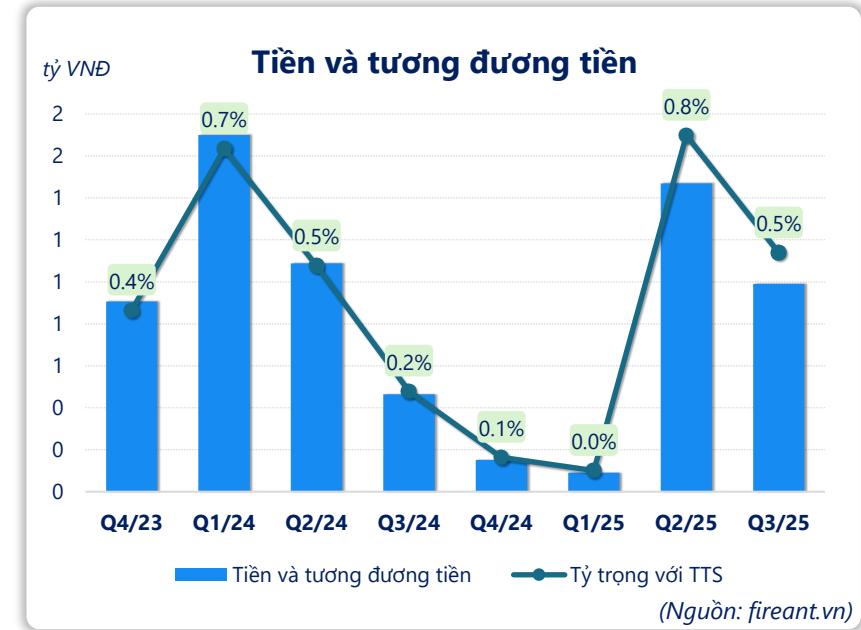
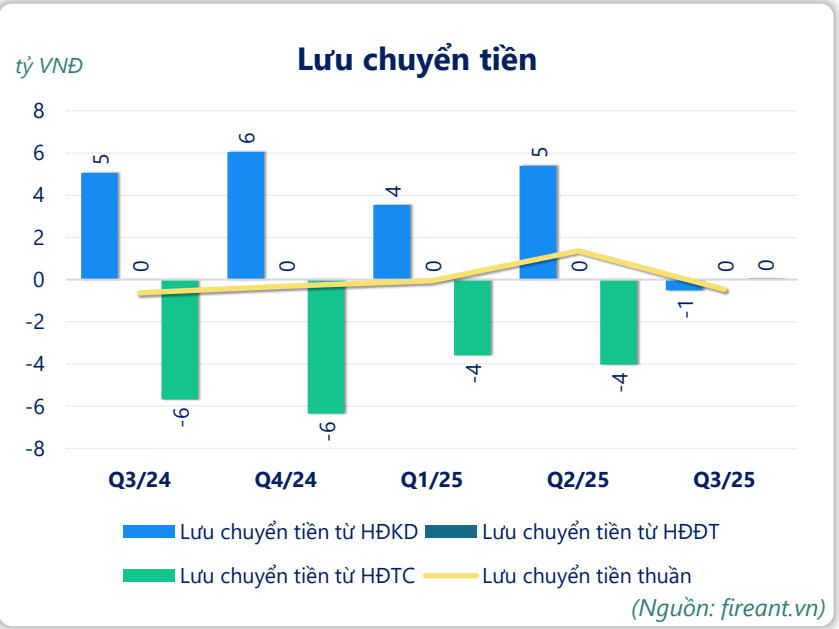
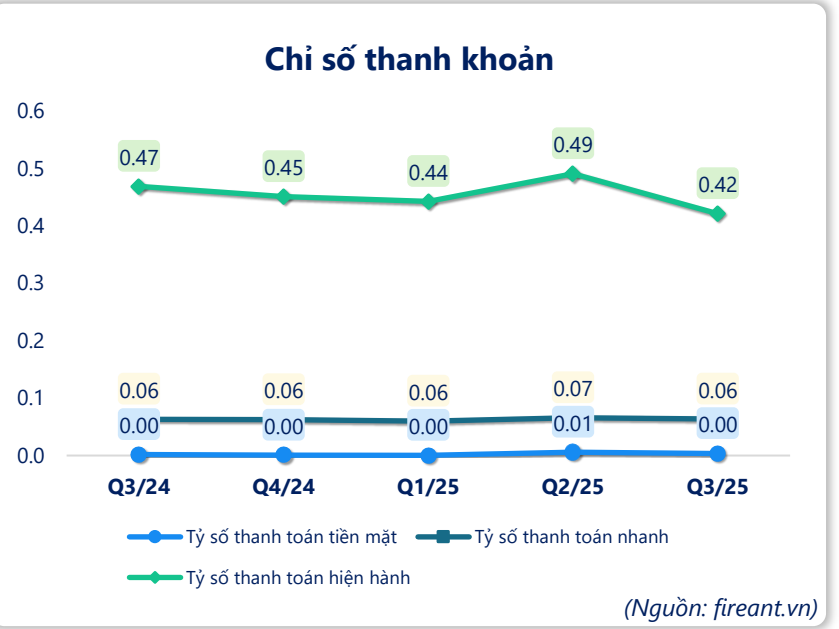
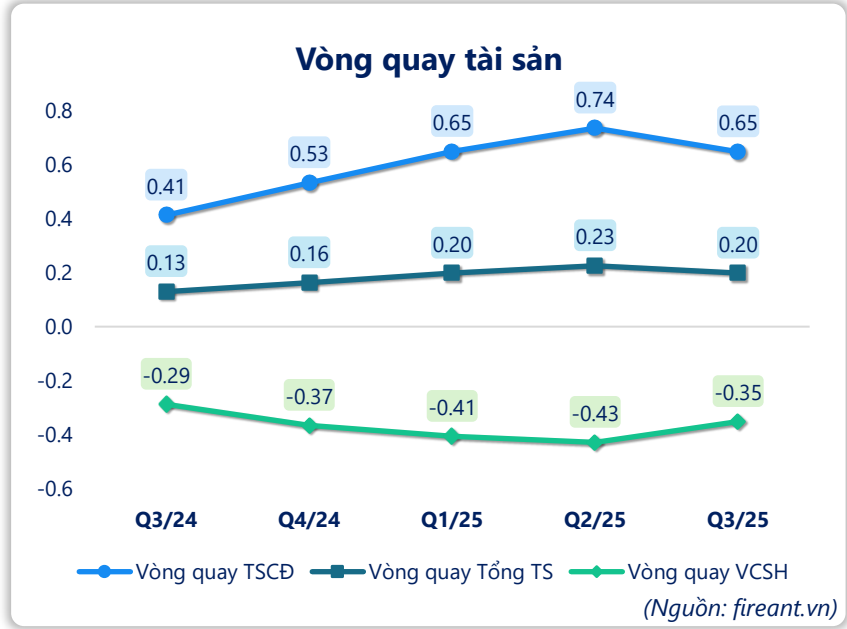
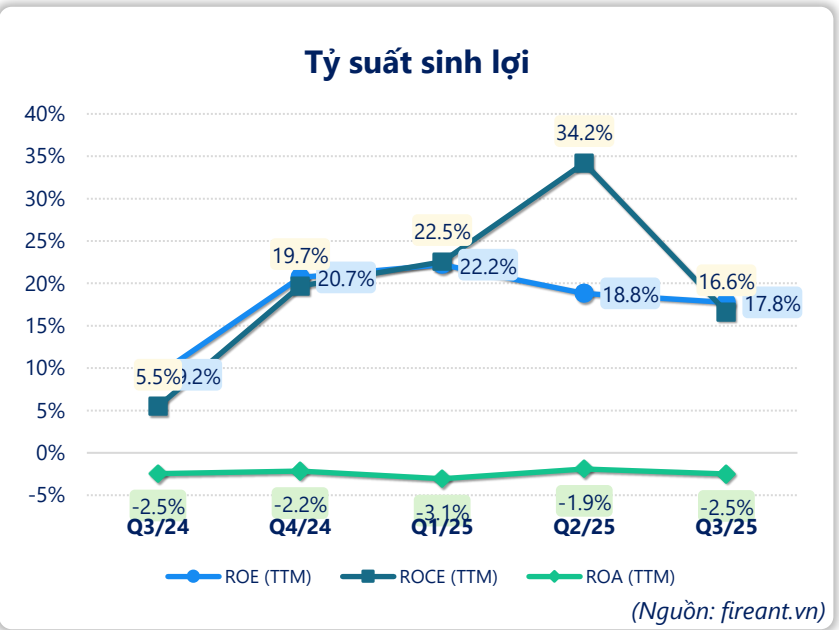
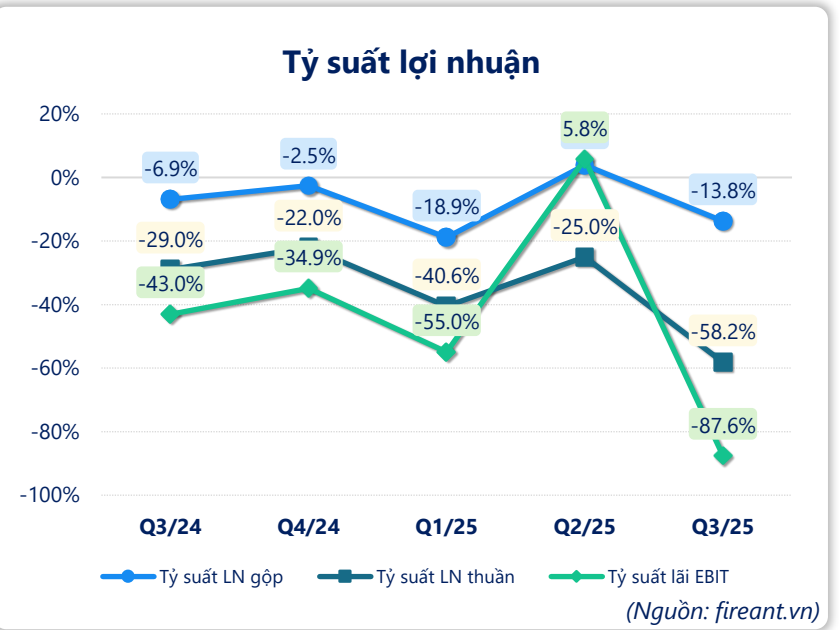
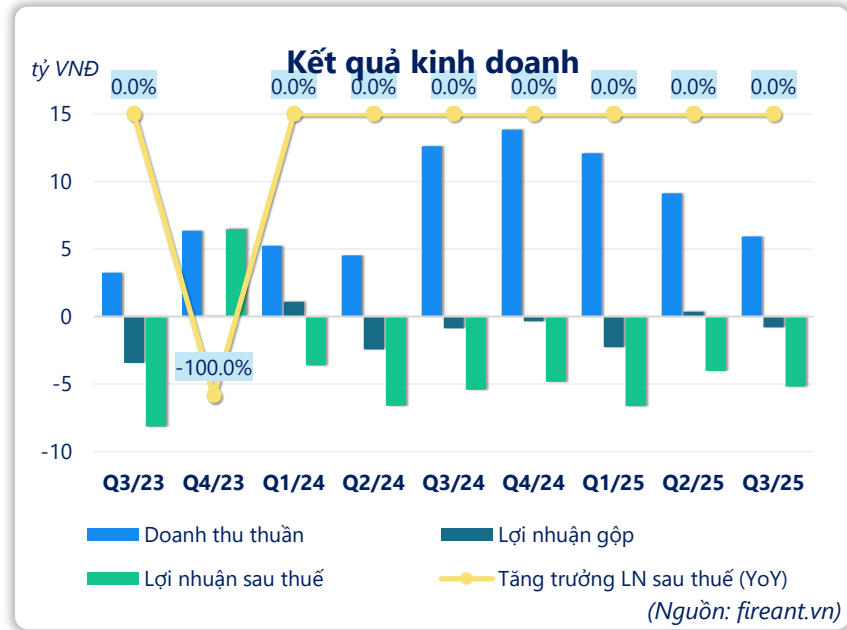


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		1,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		600
SL cổ phiếu LH		16,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,270
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		10
P/E		-0.5
EPS		-1,292

	YTD	1T	3T	6T
CMI	-50.0%	-14.3%	-25.0%	-25.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	196	209	-6.2%
Tài sản ngắn hạn	128	135	-5.7%
Tiền và tương đương tiền	0.99	0.14	585%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	8.27	8.16	1.4%
Hàng tồn kho	108	117	-7.1%
Tài sản ngắn hạn khác	9.96	10.4	-4.2%
Tài sản dài hạn	68.1	73.4	-7.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	60.2	64.7	-7.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	7.92	8.64	-8.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	323	320	0.9%
Nợ ngắn hạn	303	258	17.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	114	112	1.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	23.1	20.0	15.6%
Nợ dài hạn	19.3	61.8	-68.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	19.3	61.8	-68.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-127	-111	-14.3%
Vốn chủ sở hữu	-127	-111	-14.3%
Vốn điều lệ	160	160	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	12.6	13.8	12.1	9.13	5.92
Giá vốn hàng bán	13.5	14.2	14.4	8.77	6.73
Lợi nhuận gộp	-0.87	-0.35	-2.28	0.35	-0.81
Doanh thu HĐTC	0.00	1.14	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	2.45	3.59	2.34	2.30	2.35
Chi phí lãi vay	0	0	0	4.55	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.20	0.09	0.11	0.16	0.10
Chi phí QLDN	0.14	0.15	0.17	0.18	0.18
LN thuần từ HĐKD	-3.65	-3.05	-4.90	-2.28	-3.44
Lợi nhuận khác	-1.77	-1.78	-1.74	-1.74	-1.74
LN trước thuế	-5.42	-4.82	-6.64	-4.02	-5.18
Lợi nhuận sau thuế	-5.42	-4.82	-6.64	-4.02	-5.18
LNST của CĐ cty mẹ	-5.42	-4.82	-6.64	-4.02	-5.18

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.06	6.03	3.54	5.39	-0.51
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.68	-6.35	-3.59	-4.03	0.05
Tiền đầu kỳ	1.09	0.46	0.14	0.09	1.45
Lưu chuyển tiền thuần	-0.62	-0.31	-0.05	1.36	-0.46
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.46	0.15	0.09	1.45	0.99

(Nguồn: fireant.vn)